TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:23/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2025
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Hà Thị Thu Thủy.

- *Các hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Hồng Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Đào Hồng Thanh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên tòa*: Bà Trần Hồng Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 72/2025/TLST-HN&GĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Tổ dân phố CS, phường TT, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.
Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1978;
Địa chỉ: Tổ dân phố CS, phường TT, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.
Hiện anh G đang đi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma tuý tỉnh Thái Nguyên.

(Chị T có mặt, anh G đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn G tự nguyện kết hôn với nhau từ tháng 12/2010, đăng ký kết hôn tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã (nay là phường) TT, huyện (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 13/12/2010. Sau khi kết hôn chị về nhà anh G làm dâu. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng do vì con cái vợ chồng lại

giảng hoà với nhau cho đến năm 2024 anh đi trại cải tạo về vợ chồng cũng đã xảy ra mâu thuẫn. Đến ngày 07/3/2025 anh G và chị có cãi nhau, xung đột, anh đã đe doạ, đánh đập chị. Nay chị xác định không thể hoà giải được, cuộc sống gia đình trở nên căng thẳng, không có lối thoát. Hiện chị và anh G đã sống ly thân từ ngày 07/3/2025 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung là: Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 28/12/2011 và Nguyễn Yến Nhi sinh ngày 23/12/2013. Hiện nay cả hai con chung đều đang ở với chị, nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh G không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm công nhân tại công ty Samsung, thu nhập 18.000.000 đồng/tháng, chị đảm bảo được cuộc sống của các con.

Về tài sản chung: Chị T xác định tự thoả thuận, không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Văn G trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã (nay là phường) TT, huyện (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên vào năm 2010. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng khoảng tháng 3/2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh phát hiện chị T nhắn tin, gọi điện và nảy sinh tình cảm với người khác từ đó vợ chồng anh chị có xảy ra cãi vã và xô xát. Chị T sau đó đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, còn anh từ ngày 25/3/2025 đã đi chữa bệnh tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma tuý tỉnh Thái Nguyên. Nay chị T xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là: Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 28/12/2011 và Nguyễn Yến N, sinh ngày 23/12/2013. Hiện nay cả hai con chung đều đang ở với chị T, vì anh không đồng ý ly hôn nên anh không có quan điểm về việc nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Anh G xác định không yêu cầu toà án giải quyết. Nếu chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh, anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, anh vẫn giữ quan điểm không đồng ý ly hôn với chị T, anh đề nghị được vắng mặt tại tất cả các phiên họp, phiên toà sơ, phúc thẩm nếu có.

Phần tranh luận: Chị T giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh G; Về con chung: Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung tự thoả thuận; về nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của

thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân & gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 28/12/2011 và Nguyễn Yến N, sinh ngày 23/12/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh G đến khi chị T có yêu cầu, anh G được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở; về tài sản chung, nợ chung, khoản cho vay chung: Không đặt ra việc xem xét giải quyết; về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để nộp Ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Thụ lý đơn khởi kiện: Ngày 25 tháng 3 năm 2025 chị T có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, cùng ngày Toà án ra Thông báo nộp tạm ứng án phí, ngày 26/3/2025 Tòa án thụ lý vụ án, đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 191 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, việc không tiến hành phiên hoà giải và sự vắng mặt của bị đơn: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, bị đơn anh Nguyễn Văn G, anh G hiện đang cư trú tại: TDP Cầu Sơn, phường Trung Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý hợp lệ cho anh Nguyễn Văn G và triệu tập anh G đến toà án làm việc tuy nhiên anh G không có mặt. Tại biên bản xác minh với công an phường TT thể hiện nội dung: Anh Nguyễn Văn G có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố CS, phường TT, thành phố Phổ Yên. Qua kiểm tra thông tin trên hệ thống dữ liệu dân cư quốc gia thể hiện anh G có nhân thân về tội *"Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác"* (năm 1999). Hiện anh G đang điều trị nghiện tự nguyện từ ngày 25/3/2025 tại Cơ sở cai nghiện ma tuý tỉnh Thái Nguyên.

Toà án đã làm việc trực tiếp tại Cơ sở cai nghiện ma tuý tỉnh Thái Nguyên nơi anh G đang điều trị; có thông báo phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa chị T và anh G và đã thực hiện việc giao thông báo cho anh G, anh G đã trực tiếp nhận thông báo. Tại bản tự khai anh G trình bày quan điểm và đề nghị được vắng mặt tại các phiên họp. Chị T có đơn yêu cầu không tiến hành phiên hoà giải. Căn cứ khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hoà giải là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị đơn anh G vắng mặt lần thứ nhất, tuy nhiên anh G đã có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T đề nghị tiếp tục xét xử. Xét thấy mặc dù anh G vắng mặt lần thứ nhất xong anh G đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh G là đúng quy định của pháp luật và cũng để bảo vệ quyền lợi cho chị T.

[3]. Về sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ nên nên Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng quy định của pháp luật.

[4.]. Về nội dung:

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn G có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn chị T về nhà anh G làm dâu và chung sống với gia đình anh G. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cách sống bên cạnh đó anh G còn nghiện ma tuý, chị khuyên nhủ anh từ bỏ nhưng anh không nghe vì thế mà vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cuộc sống của vợ chồng trở nên căng thẳng và không còn hạnh phúc nữa. Đỉnh điểm là đến tháng 3/2025 anh chị cãi nhau, anh G đánh và đe doạ chị, ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý của chị. Hiện nay anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh G nữa nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G. Phía anh G xác định vợ chồng có mâu thuẫn do anh phát hiện chị T có nhắn tin, gọi điện và nảy sinh tình cảm với người khác. Anh G mắc nghiện ma tuý, mải chơi và chưa thực sự tu chí làm ăn. Nay chị T xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý, đề nghị toà án chờ anh đi chữa bệnh tại Cơ sở cai nghiện về sẽ giải quyết.

Xét yêu cầu xin đoàn tụ của anh G thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án anh G chỉ trình bày quan điểm, hiện anh đang điều trị nghiện tự nguyện nhưng cũng không đến Toà án để hoà giải với chị T và đều xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như phiên toà xét xử vụ án. Như vậy có thể thấy việc xin đoàn tụ của anh G không phải là do anh còn tình cảm yêu thương chị T và chỉ là để anh

đi chữa bệnh về sẽ giải quyết. Qua đó có thể thấy việc xin đoàn tụ của anh G là không thực tâm mà chỉ nhằm mục đích kéo dài, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét thấy có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ chung sống với nhau…".* Tại phiên tòa, cho thấy thái độ cương quyết ly hôn của chị T đối với anh G và chị khẳng định không còn tình cảm gì với anh T.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Toà án không thành thì Toà án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"*. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh G là phù hợp theo quy định tại Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có hai con chung là: Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 28/12/2011 và Nguyễn Yến N, sinh ngày 23/12/2013. Nay ly hôn chị T đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con. Do không đồng ý ly hôn nên anh G không thể hiện quan điểm về vấn đề ai sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của chị T là chính đáng, cháu Nhi và cháu Tuấn Anh có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Tại thời điểm toà án giải quyết vụ án anh G đang điều trị nghiện tại Cơ sở ma tuý tỉnh Thái Nguyên, không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên cần giao các con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4.3]. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T nuôi con và không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là ý chí tự nguyện của chị T nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh G cho đến khi chị T có yêu cầu.

[4.4].Về tài sản chung: Chị T và anh G không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

[4.5]. Về nợ chung, khoản cho vay chung: Chị T và anh G đều xác định không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[4.6]. Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật để nộp Ngân sách Nhà nước.

[4.7].Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tại phiên toà là phù hợp, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 264, 266, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Văn G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 28/12/2011 và Nguyễn Yến N, sinh ngày 23/12/2013 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con và không ai được cản trở. Cha, Mẹ, trực tiếp nuôi con và các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T nuôi con và không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh G cho đến khi chị T có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn G đều xác định không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu số 0001533 ngày 26/3/2025.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T tại phiên toà, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh G vắng tại phiên toà báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các Đương sự*
- *TAND tỉnh Thái Nguyên;*
- *VKSND thành phố Phổ Yên;*
- *THADS thành phố Phổ Yên;*
- *Cổng thông tin điện tử TANDTC;*
- *UBND P. TT;*
- *Lưu VP, hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ TÊN)

Hà Thị Thu Thuỷ